



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Speaking 1 - MH1105028

Mã lớp học phần: 25211MH110502801 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Ngày thi: 26.1.2026 Giờ thi: 15 giờ 30 Phòng thi: A2.14

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510130018	Châu Tuấn Anh	16/11/2007	C27TA		10	Mười	
2	2510130009	Lê Nguyễn Hồng Anh	12/04/2007	C27TA		6.6	Sáu sáu	
3	2510130008	Nguyễn Hoài Nguyên Bảo	28/10/2007	C27TA		9.4	Chín bốn	
4	2510130002	Trần Thị Kim Chung	18/06/2007	C27TA		7.3	Bảy ba	
5	2510130017	Trần Đức Huy	06/06/2007	C27TA		7.8	Bảy tám	
6	2510130010	Nguyễn Minh Đăng Kha	21/04/2007	C27TA		10	Mười	
7	2510130007	Phạm Thị Giao Linh	18/03/2006	C27TA		7.5	Bảy năm	
8	2510130015	Lê Thanh Long	11/03/2007	C27TA		8.3	Tám ba	
9	2510130016	Lê Ngọc Thảo My	23/04/2007	C27TA		7.7	Bảy bảy	
10	2510130004	Lê Thị Thanh Ngọc	25/12/2007	C27TA		7.0	Bảy không	
11	2510130003	Đào Ý Nhi	16/12/2007	C27TA				
12	2510130012	Lạc Mỹ Nhi	01/03/2007	C27TA		7.8	Bảy tám	
13	2510130019	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10/10/2006	C27TA		8.1	Tám một	
14	2510130001	Trần Vũ Quỳnh Như	25/04/2004	C27TA		7.0	Bảy không	
15	2510100018	Trần Tiến Phát	24/05/2007	C27TA		2.5	Hai năm	
16	2510130005	Nguyễn Thanh Phương	31/08/2000	C27TA		9.0	Chín không	
17	2510130020	Trần Minh Quân	07/01/2006	C27TA		6.8	Sáu tám	
18	2510130014	Mai Phương Thúy	25/12/2007	C27TA		7.7	Bảy bảy	
19	2510130011	Lê Trần Minh Thư	13/11/2006	C27TA		6.4	Sáu bốn	
20	2510130006	Trần Bảo Trâm	09/12/2007	C27TA		7.4	Bảy bốn	
21	2510130021	Mai Đức Trung	05/12/2002	C27TA		2.8	Hai tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 20 vắng thi: 1 Số bài thi: 20 /

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 30 tháng 1 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Ngọc Thu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ &
QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Speaking 1 - MH1105028

Mã lớp học phần: 25211MH110502801 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Ngày thi: 3.3.2026 Giờ thi: 15 giờ 30 Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510130018	Châu Tuấn Anh	16/11/2007	C27TA	AA	10	Mười	
2	2510130009	Lê Nguyễn Hồng Anh	12/04/2007	C27TA	BA	8.3	Tám ba	
3	2510130008	Nguyễn Hoài Nguyên Bảo	28/10/2007	C27TA	Bảo	9.0	chín không	
4	2510130002	Trần Thị Kim Chung	18/06/2007	C27TA	Kim Ch	8.0	Tám không	
5	2510130017	Trần Đức Huy	06/06/2007	C27TA	ĐH	7.0	Bảy không	
6	2510130010	Nguyễn Minh Đăng Kha	21/04/2007	C27TA	ĐKha	8.0	Tám không	
7	2510130007	Phạm Thị Giao Linh	18/03/2006	C27TA	chulinh	7.3	Bảy ba	
8	2510130015	Lê Thanh Long	11/03/2007	C27TA	Loy	10	Mười	
9	2510130016	Lê Ngọc Thảo My	23/04/2007	C27TA	TM	8.5	Tám năm	
10	2510130004	Lê Thị Thanh Ngọc	25/12/2007	C27TA	LTN	7.8	Bảy tám	
11	2510130003	Đào Ý Nhi	16/12/2007	C27TA	VT			
12	2510130012	Lạc Mỹ Nhi	01/03/2007	C27TA	Nhi	7.0	Bảy không	
13	2510130019	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10/10/2006	C27TA	Như	7.0	Bảy không	
14	2510130001	Trần Vũ Quỳnh Như	25/04/2004	C27TA	qu	8.0	Tám không	
15	2510100018	Trần Tiến Phát	24/05/2007	C27TA		7.5	Bảy năm	
16	2510130005	Nguyễn Thanh Phương	31/08/2000	C27TA		10	Mười	
17	2510130020	Trần Minh Quân	07/01/2006	C27TA	Minh	7.0	Bảy không	
18	2510130014	Mai Phương Thúy	25/12/2007	C27TA		7.5	Bảy năm	
19	2510130011	Lê Trần Minh Thư	13/11/2006	C27TA	Thư	7.0	Bảy không	
20	2510130006	Trần Bảo Trâm	09/12/2007	C27TA	Tram	8.0	Tám không	
21	2510130021	Mai Đức Trung	05/12/2002	C27TA		7.0	Bảy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 20 vắng thi: 1 Số bài thi: 20 /

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 5 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Ngọc Thu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Speaking 1 - MH1105028

Mã lớp học phần: 25211MH110502801 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Ngày thi: 26.1.2026 Giờ thi: 15 giờ 30 Phòng thi: 12.14

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Oanh	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130018	Hồ Thị Kim	Oanh	03/06/2005	C26TA		8.4	Tám bốn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0. Số bài thi: 1 / 1

Ngày: 26 tháng 1 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Cường

Ngày: 30 tháng 1 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Speaking 1 - MH1105028

Mã lớp học phần: 25211MH110502801 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Ngày thi: 22.12.2026 Giờ thi: 15 giờ 30 Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130018	Hồ Thị Kim Oanh	03/06/2005	C26TA		8.8	Tám tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0. Số bài thi: 1/1.

Ngày: 16 tháng 2 năm 2026

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

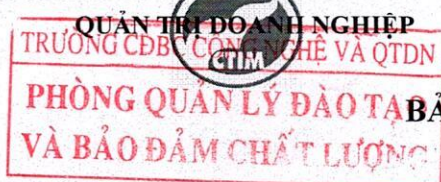
Phan Quang Cường

Ngày: 5 tháng 3 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Speaking 1 - MH1105028

Giám thị 1: Trương Thị Ngọc Thu

Ký tên:

Mã lớp học phần: 25211MH110502801 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: Vũ Văn Hào

Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu, Đào Thị Hồng Hạnh

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 01/04/2026

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: A1.10

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2510130018	Châu Tuấn Anh	16/11/2007		1	9.8	chín tám	C27TA	
2	2510130008	Nguyễn Hoài Nguyên Bảo	28/10/2007		1	9.6	chín sáu	C27TA	
3	2510130002	Trần Thị Kim Chung	18/06/2007		1	7.6	bảy sáu	C27TA	
4	2510130017	Trần Đức Huy	06/06/2007		1	7.6	bảy sáu	C27TA	
5	2510130010	Nguyễn Minh Đăng Kha	21/04/2007		1	9.4	chín bốn	C27TA	
6	2510130007	Phạm Thị Giao Linh	18/03/2006		1	8.6	tám sáu	C27TA	
7	2510130015	Lê Thanh Long	11/03/2007		1	9.4	chín bốn	C27TA	
8	2510130016	Lê Ngọc Thảo My	23/04/2007		1	8.2	tám hai	C27TA	
9	2510130004	Lê Thị Thanh Ngọc	25/12/2007		1	7.2	bảy hai	C27TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 9 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 9 / 1 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 13 tháng 4 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Cường

Ngày 1 tháng 4 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Speaking 1 - MH1105028

Giám thị 1: Trần Văn Long

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25211MH110502801

Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: Trương Thị Ngọc Thu

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu, Đào Thị Hồng Hạnh

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

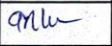
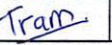
Ngày thi: 01/04/2026

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: A1.10

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2510130012	Lạc Mỹ Nhi	01/03/2007					C27TA	
2	2510130019	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10/10/2006		1	7.0	Bảy không	C27TA	
3	2510130001	Trần Vũ Quỳnh Như	25/04/2004		1	7.6	Bảy sáu	C27TA	
4	2410130018	Hồ Thị Kim Oanh	03/06/2005		1	8.0	Tám không	C26TA	
5	2510100018	Trần Tiến Phát	24/05/2007					C27TA	
6	2510130005	Nguyễn Thanh Phương	31/08/2000		1	9.6	chín sáu	C27TA	
7	2510130020	Trần Minh Quân	07/01/2006		1	7.6	Bảy sáu	C27TA	
8	2510130014	Mai Phương Thúy	25/12/2007		1	8.2	Tám hai	C27TA	
9	2510130011	Lê Trần Minh Thư	13/11/2006					C27TA	
10	2510130006	Trần Bảo Trâm	09/12/2007		1	9.2	chín hai	C27TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

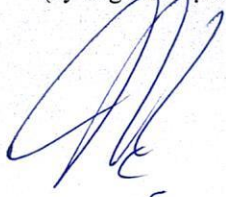
Tổng số sinh viên dự thi : 07 vắng thi: 03 . Số bài thi/Số tờ: 07 , 07 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 13 tháng 4 năm 2026

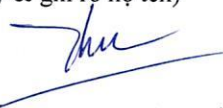
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


 Phạm Anis, Long
Ngày 1 tháng 4 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


 Trương Thị Ngọc Thu